TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/05/2026
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chau Dau.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Vân

2. Bà Châu Thanh Nguyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chau Chanh Đô Ra - Thư ký Tòa án nhân dân huyện khu vực 14 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – An Giang tham gia phiên toà: Ông Chau Pho Ly, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 03 năm 2026 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 342/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 04 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số: 429/2026/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Néang Út H, sinh ngày 04/02/1990; địa chỉ: Tổ H, ấp A, xã N, tỉnh An Giang (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Chau T, sinh ngày 15/06/1981; địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã Ô, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người phiên dịch: Ông Kim S, sinh năm 1964; địa chỉ: Ấp P, xã T, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/02/2026 và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Néang Út H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang Út H và ông Chau T do tự tìm hiểu nhau một thời gian và tự nguyện đi đến xác lập quan hệ hôn nhân, có tổ chức

lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện T (xã N), tỉnh An Giang vào năm 2023. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc và đầm ấm nhưng về sau này đời sống vợ chồng không còn hoà hợp, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, cho đến khoảng tháng 04/2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng hơn, nguyên nhân do ông T thường xuyên ăn nhậu, làm không phụ giúp kinh tế gia đình. Mặc dù, bà H có khuyên ngăn và nói chuyện với nhau nhưng ông T vẫn không thay đổi, dẫn đến cuộc sống hôn nhân, tình cảm vợ chồng không còn tiếng nói chung. Hiện bà H và ông T đã sống ly thân từ tháng 04/2024 cho đến nay và không ai quan tâm đến ai. Nay bà H nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu ly hôn với ông Chau T.

Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông T có một con chung Chau Prốt T1, sinh ngày 19/8/2023. Hiện cháu T1 đang sống với bà H1. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu T1 và không yêu cầu ông Chau T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Chau T vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà: Nguyên đơn có đơn đề nghị xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

** Quan điểm của Kiểm sát viên:*

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng theo trình tự, thủ tục, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền xét xử. Trong quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Néang Út H. Bà Néang Út H được ly hôn với ông Chau T

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của bà Néang Út H. Giao cháu Chau Prốt T1, sinh ngày 19/8/2023 cho bà N Út Hiền tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ông Chau T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà H không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn bà Néang Út H khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn ông Chau T. Vậy, Toà án xác định quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là ly hôn, tranh chấp nuôi con; bị đơn ông Chau T có nơi cư trú tại địa bàn xã Ô, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 – An Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Chau T đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Néang Út H và ông T tự nguyện đi đến xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số: 86/2023, ngày 18/08/2023 là phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, quan hệ hôn nhân giữa bà Néang Út H và ông Chau T là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Néang Út H đối với Chau T: Bà H cho rằng nguyên mâu thuẫn chính là vợ chồng thường bất đồng quan điểm, sống không hợp nhau, ông T thường xuyên ăn nhậu, làm không phụ giúp kinh tế gia đình. Bà H cũng đã khuyên ngăn nhưng ông T vẫn không thay đổi và mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ đó, bà H với ông T đã sống ly thân từ tháng 04/2024 cho đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay bà H nhận thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H2 yêu cầu ly hôn với ông Chau T.

Đối với ông Chau T, quá trình giải quyết vụ án Toà án án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên, ông T không có gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà H và vắng mặt tại phiên hoà giải cũng như tại phiên toà.

Từ những cơ sở nêu trên, cho thấy vợ, chồng giữa bà H và ông T không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vợ, chồng sống ly thân, ông T bỏ mặc vợ, con. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà H và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cho nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về quan hệ con chung: Trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông T có một con chung Chau Prốt T1, sinh ngày 19/8/2023. Khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ khi bà H và ông T ly thân từ tháng 04 năm 2024 cho đến nay, con chung Chau Prốt T1 đều do bà H một mình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và luôn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Ông T không tranh chấp về việc nuôi con cho nên bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con chung Chau Prốt Tuốch là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Toà án đã giải thích rõ cho bà H về việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp của con. Tuy nhiên, bà H tự nguyện không yêu cầu ông Chau T cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H khai không có nên không yêu cầu Toà án án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Néang Út H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 9, Điều 56, Điều 82, Điêu 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cáo;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Néang Út H đối với ông Chau T. Bà Néang Út H được ly hôn với ông Chau T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Chau Prốt T1, sinh ngày 19/8/2023 cho bà N Út Hiền tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Bà Néang Út H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 301565 ngày 23 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 14 – An Giang;
- Phòng THADS khu vực 14;
- Đương sự;
- UBND xã Núi Cấp;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Chau Dau

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chau Rót Tha **Mai Văn Tài** **Chau Dau**